TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2026/ HNGĐ - ST
Ngày 23/4/2026
"V/v Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Văn Liêm;

2. Bà Phạm Thị Sinh.

- **Thư ký phiên tòa***:* Bà Dương Thị Tâm – Thư ký của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Thái Nguyên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Thái Nguyên tham gia phiên tòa***:* Bà Sằm Thị Bến – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 14/2026/TLST- HNGĐ, ngày 02/02/2026 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/QĐST-HNGĐ ngày 20/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/QĐST-HNGĐ ngày 07/4/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh **Hà Đức B**; sinh năm 1984.

Địa chỉ thường trú: Thôn T, xã T, tỉnh Thái Nguyên.

Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Chị **Trình Thị Y**; sinh năm 1989.

Địa chỉ thường trú: Thôn T, xã T, tỉnh Thái Nguyên.

Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

*** Những người làm chứng:**

1/ Ông Hà Đức B1; sinh năm 1958; địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Thái Nguyên.

2/ Bà Nông Thị N; sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Thái Nguyên.

3/ Ông Linh Tấn K; sinh năm 1967; địa chỉ: địa chỉ: Thôn T, xã T, tỉnh Thái Nguyên.

Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – anh Hà Đức B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Trình Thị Y trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Nay là UBND xã Y, tỉnh Thái Nguyên) vào ngày 30/7/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống tại Thôn T, xã T, tỉnh Thái Nguyên. Trong thời gian chung sống những năm đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng từ đầu năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do từ khi chị Y đi làm công nhân ở tỉnh Hưng Yên, thời gian đầu còn thường xuyên về thăm chồng con và gửi tiền về nuôi các con nhưng mấy năm gần đây thỉnh thoảng chị Y mới về thăm nhà và không còn gửi tiền về để nuôi con nữa, không có trách nhiệm với gia đình, với con cái. Mấy năm nay một mình anh phải bươn chải làm ăn kiếm tiền nuôi các con ăn học. Cũng vì thế mà tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Anh và chị Y đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian ly thân hai bên không còn quan tâm, liên lạc và xác định không thể hàn gắn được nữa.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trình Thị Y.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có 03 con chung, con lớn tên Hà Đức C, sinh ngày 04/10/2008, con thứ hai tên Hà Tường V, sinh ngày 05/6/2011, con thứ ba tên Hà Thị Ánh V1, sinh ngày 24/3/2014. Các con chung đều khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang sống cùng anh.

Khi ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 con Hà Đức C, Hà T và Hà Thị Ánh V1 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh không yêu cầu chị Y phải cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Toà án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là chị Trình Thị Y: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành gửi Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập đến nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị Y, tuy nhiên hết thời hạn đưa ra ý kiến theo Thông báo thụ lý nhưng không thấy chị Y có ý kiến bằng văn bản nêu quan điểm của mình đối với yêu cầu ly hôn của anh B và chị Y cũng không có mặt tại Tòa án để làm việc theo thời gian ghi trong Giấy triệu tập. Vì vậy Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an xã T, tỉnh Thái Nguyên thì được cung cấp thông tin như sau: Chị Trình Thị Y, sinh năm 1989 có

đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T, xã T, tỉnh Thái Nguyên. Tuy nhiên, hiện nay chị Y đi làm công nhân ở xa, thỉnh thoảng mới về địa phương. Do vậy, Tòa án không thể thực hiện được việc cấp, tống đạt Thông báo, văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Y. Tòa án đã lập biên bản và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chị Y theo quy định. Quá trình giải quyết vụ án, chị Y không đến Tòa án làm việc, không có mặt tại phiên tòa nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị Y.

Tòa án đã gặp Trưởng thôn, Chi hội trưởng Chi hội phụ nữ thôn T, xã T, tỉnh Thái Nguyên để xác minh tình trạng hôn nhân và con chung của anh Hà Đức B và chị Trình Thị Y. Qua trao đổi, Tòa án được cung cấp thông tin như sau: Anh Hà Đức B kết hôn với chị Trình Thị Y vào năm 2008. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng sinh sống với nhau tại thôn T, xã T, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc nhưng từ năm 2018 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Y đi làm công nhân ở tỉnh Hưng Yên, thỉnh thoảng mới về thăm chồng con. Khoảng 02 năm gần đây thì chị Y ít khi về thăm chồng con dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ lâu.

Về con chung: Vợ chồng anh B, chị Y có 03 con chung. Từ khi chị Y đi làm công nhân đến nay thì các con đều do anh B chăm sóc, nuôi dưỡng. Mấy năm nay anh B đi làm thuê thì bố mẹ đẻ của anh B luôn hỗ trợ anh B trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dạy các cháu. Hiện nay, anh B có nhà riêng, có công việc làm và thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con.

Qua lấy lời khai của một số người làm chứng là người thân và hàng xóm sống gần nhà anh B, chị Y thì họ đều cho biết: Sau khi kết hôn anh B, chị Y về sinh sống tại Thôn T, xã T, tỉnh Thái Nguyên. Những năm đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc. Nhưng từ đầu năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị Y đi làm công nhân ở tỉnh Hưng Yên rất ít khi về nhà. Chị Y thỉnh thoảng mới về thăm con được 1-2 ngày rồi lại đi và hầu như không còn quan tâm, hỗ trợ gì về kinh tế cho gia đình, chồng con. Những năm gần đây một mình anh B phải bươn chải làm ăn kiếm tiền nuôi các con ăn học. Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B và chị Y ngày càng trầm trọng. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên không còn quan tâm, liên lạc với nhau nữa.

Ngoài ra, bà Nông Thị N và ông Hà Đức B1 (Là bố mẹ đẻ của anh B) còn có lời khai, anh B đang đi làm công nhân ở Hải Phòng do vậy có gửi 03 cháu Hà Đức C, Hà Tường V2 và Hà Thị Ánh V1 cho ông bà trông nom, chăm sóc giúp. Về điều kiện chỗ ăn ở, sinh hoạt của các cháu thì đầy đủ, tiện nghi. Hàng tháng anh B vẫn về thăm nom, chăm sóc các con và đều đặn gửi tiền về cho ông bà để chi phí ăn uống, sinh hoạt, học tập cho các cháu.

Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của 03 cháu Hà Đức C, Hà Tường V2 và Hà Thị Ánh V1 thì các cháu đều có nguyện vọng được sống với bố là anh Hà Đức B.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – T quan điểm về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên

tòa trong quá trình tố tụng, xây dựng hồ sơ và tại phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã đảm bảo đúng quy định. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án gửi và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án mở phiên tòa để xét xử, nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy đề nghị HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Hà Đức B, xử cho anh Hà Đức B được ly hôn với chị Trình Thị Y.

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao 03 con chung là Hà Đức C, sinh ngày 04/10/2008; Hà Tường V, sinh ngày 05/6/2011 và Hà Thị Ánh V1, sinh ngày 24/3/2014 cho anh Hà Đức B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Hà Đức B không yêu cầu chị Trình Thị Y phải cấp dưỡng nuôi các con chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về tài sản chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về nợ chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn anh Hà Đức B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn", bị đơn chị Trình Thị Y có địa chỉ thường trú tại: Thôn T, xã T, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 208 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn mặc dù đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình Tòa án mở phiên tòa để xét xử mặc dù bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 theo đúng quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Nguyên đơn và những người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hà Đức B và chị Trình Thị Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 30/7/2008 tại UBND xã Y, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (Nay là UBND xã Y, tỉnh Thái Nguyên) nên xác định hôn nhân của anh B và chị Y là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, anh B xác định, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc nhưng từ đầu năm 2018 bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Anh và chị Y đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, hai bên không còn quan tâm đến đời sống của nhau và chị Y cũng không có trách nhiệm gì với gia đình, chồng con. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy anh kiên quyết xin được ly hôn với chị Trình Thị Y.

Về phía bị đơn chị Trình Thị Y mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị Y.

Qua lời khai của những người làm chứng và qua xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của anh B và chị Y, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh B và chị Y là có thực tế và đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân chị Y mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Toà án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của anh B đồng thời cũng không có động thái gì để hoà giải mâu thuẫn vợ chồng. Còn anh B thì kiên quyết ly hôn và có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải. Qua đó thể hiện cả hai không còn mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do vậy việc anh B xin ly hôn với chị Y là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận.

[3]Về con chung: Anh Hà Đức B và chị Trình Thị Y có có 03 con chung, con lớn tên Hà Đức C, sinh ngày 04/10/2008; con thứ hai tên Hà Tường V, sinh ngày 05/6/2011; con thứ ba tên Hà Thị Ánh V1, sinh ngày 24/3/2014. Các con chung đều khỏe mạnh, phát triển bình thường và đang sống cùng anh B.

Khi ly hôn, anh B có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 03 con Hà Đức C, Hà T và Hà Thị Ánh V1 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử xét thấy chị Y vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị Y về vấn đề nuôi con chung. Bản thân anh B hiện làm lao động tự do tuy nhiên có công việc làm và thu nhập tương đối ổn định, có điều kiện kinh tế, chỗ ở hợp lý, đảm bảo cho việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Mặt khác các con chung cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng bố. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con cũng như không làm xáo trộn cuộc sống và tâm lý của con chung thì việc giao các con chung cho anh B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

[5]Về tài sản chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7]Về án phí: Nguyên đơn anh Hà Đức B phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28, khoản 4 điều 147, các Điều 35, 39, 227, 228, 229, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Hà Đức B. Anh Hà Đức B được ly hôn với chị Trình Thị Y.

2. Về nuôi con chung: Giao 03 con chung là Hà Đức C, sinh ngày 04/10/2008; Hà Tường V, sinh ngày 05/6/2011 và Hà Thị Ánh V1, sinh ngày 24/3/2014, các con chung khỏe mạnh và phát triển bình thường cho anh Hà Đức B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các con đủ 18 tuổi.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Hà Đức B không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Sau khi ly hôn, chị Trình Thị Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của các con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

4.Về tài sản chung: Anh Hà Đức B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

5. Về vay nợ chung: Anh Hà Đức B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

6. Về án phí: Nguyên đơn anh Hà Đức B phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí anh B đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000514 ngày 02/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên. Anh Hà Đức B đã nộp đủ tiền án phí.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND Khu vực 6 – Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Yên Bình,
T. Thái Nguyên (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Nguyệt Thu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nguyệt Thu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nguyệt Thu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Ba Bể;
- Chi cục THADS huyện Ba Bể;
- UBND xã Yến Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Nguyệt Thu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nguyệt Thu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Ba Bể;
- Chi cục THADS huyện Ba Bể;
- UBND xã Yến Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Nguyệt Thu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Nguyệt Thu

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Ba Bể;
- Chi cục THADS huyện Ba Bể;
- UBND xã Nam Mẫu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Văn Mẫn

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Dương Văn MạoHoàng Thị Thào Triệu Văn Mẫn

.